

Số: /2026/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chi tiết một số điều của Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết một số điều của Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, để áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, bao gồm các nội dung như sau:

a) Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã),

báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ) theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

c) Mức rút dự toán chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 15 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

d) Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm c, điểm g và điểm k khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

đ) Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính (Sở Tài chính đối với cấp tỉnh; Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với cấp xã) theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

e) Báo cáo công khai ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách ở địa phương và của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức chính trị;

b) Cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 2. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ)

1. Đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh tổng hợp, lập dự toán ngân sách thuộc phạm vi quản lý, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (nếu có) gửi Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 6 hằng năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã gửi dự toán ngân sách cấp xã đến Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 6 hằng năm.

3. Đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tình hình, đặc điểm của đơn vị, địa phương để tự quyết định cụ thể thời gian lập, gửi dự toán ngân sách, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đối với các đơn vị trực thuộc cho phù hợp

với yêu cầu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 3. Các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách

1. Đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh, cấp xã giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 26/2026/TT-BTC; đồng thời, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra (kèm theo các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán theo các mẫu biểu từ số 37.1 đến số 46.4 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC; bảng tổng hợp chương trình, dự án, đề án, chủ trương, kế hoạch, nhiệm vụ và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt và văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khác (nếu có điều chỉnh, bổ sung) so với khi lập dự toán).

2. Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, các đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh, cấp xã còn phải lập và gửi cơ quan tài chính cùng cấp hồ sơ, tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc như sau:

a) Đối với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội) được cơ quan có thẩm quyền giao kinh phí quản lý hành chính: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Điều 13 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Đối với việc phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước.

d) Đối với việc phân bổ, giao dự toán kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

Điều 4. Mức rút dự toán chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã

1. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hằng tháng cho ngân sách cấp xã:

a) Phòng Kinh tế (hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, mức rút tối đa hằng tháng về nguyên tắc

không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm.

b) Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Việc rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã:

a) Căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, Phòng Kinh tế (hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ.

b) Trường hợp rút dự toán nhưng ngân sách cấp xã sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết thì phải hoàn trả cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

Điều 5. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh, cấp xã định kỳ hàng quý báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý sau về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo mẫu biểu số 53 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

2. Đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ hàng quý báo cáo Sở Tài chính trước ngày 03 tháng đầu tiên của quý sau về thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu số 54, 55, 56.1 và 56.2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

3. Cơ quan tài chính ở cấp tỉnh, cấp xã định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau về thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu số 49, 50 và 51 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình năm trước chậm nhất là ngày 15 tháng 02 hằng năm theo mẫu biểu số 56.3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

5. Phòng Kinh tế (hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) cấp xã báo cáo Sở Tài chính về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã năm trước chậm nhất là ngày 10 tháng 02 hằng năm theo mẫu biểu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính

1. Đối với ngân sách cấp xã

a) Đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách (không có đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc) lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm gửi Phòng Kinh tế (hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) cấp xã trước ngày 15 tháng 02 năm sau.

b) Đơn vị dự toán cấp I (có đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc) tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý gửi về Phòng Kinh tế (hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) cấp xã trước ngày 20 tháng 02 năm sau.

2. Đối với ngân sách cấp tỉnh

a) Đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách (không có đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc) lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 3 năm sau.

b) Đơn vị dự toán cấp I (có đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc) tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính trước ngày 25 tháng 3 năm sau; riêng đối với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 05 tháng 4 năm sau.

3. Đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh, cấp xã tự quyết định cụ thể thời gian các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc, các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý lập, gửi báo cáo quyết toán ngân sách, quyết toán thu, chi tài chính của quỹ, đảm bảo thời gian tổng hợp, gửi báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I cho cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 7. Báo cáo công khai ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách ở địa phương và của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Sở Tài chính về báo cáo số liệu, tài liệu công khai ngân sách của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ cùng thời điểm thực hiện công khai ngân sách theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

2. Đơn vị dự toán ngân sách các cấp (trừ đơn vị dự toán cấp I) gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp về báo cáo số liệu, tài liệu công khai ngân sách của đơn vị mình theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ cùng thời điểm thực hiện công khai ngân sách theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung quy định Quyết định này. Trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XIX; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 7 năm 2026 và bãi bỏ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định nội dung, biểu mẫu, thời gian lập dự toán ngân sách; các tài liệu thuyết minh căn cứ và báo cáo phân bổ, giao dự toán ngân sách; báo cáo chấp hành ngân sách nhà nước của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Phòng Tổng hợp; Trung tâm thông tin điều hành;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Trí Quang